

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 17 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Ông Thạch Phới

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thể - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2025/TLST - HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/HSST - QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Thạch Q, sinh ngày 09/12/1995, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi thường trú: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Phật giáo. Con ông Thạch C, sinh năm 1975 và bà Thạch Thị N, sinh năm 1975. Vợ: Thạch Thị Khone T, sinh năm 1996; Con ruột: 01 người, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo Thạch Q bị tạm giữ từ ngày 19/7/2024 đến ngày 25/7/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Thạch Thị N1, sinh năm 1977 (có mặt);

2. Ông Thạch C1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Thạch Thị Khone T, sinh năm 1997 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
 2. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
 3. Thạch Si Na R, sinh năm 1987 (vắng mặt);
 4. Thạch L, sinh năm 1995 (vắng mặt);
 5. Thạch Si N2, sinh năm 1989 (vắng mặt);
 6. Thạch R1, sinh năm 1972 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
 7. Thạch C, sinh năm 1975 (có mặt);
 8. Thạch Thị N, sinh năm 1975 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người làm chứng:*
- Bà Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1994 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 24/6/2024, bị cáo Thạch Q, đi bộ đến nhà bà Thạch Thị N1, thấy con bà N1 là Thạch Thị Pha L1 đang nằm võng ở nhà sau một mình, không có vợ chồng bà N1 ở nhà. Lúc này, bị cáo lợi dụng Pha L1 không đề ý nên bị cáo đi lên phòng khách đến khu vực tủ thờ tìm kiếm được chìa khóa bên trong tủ thờ, bị cáo mang chìa khóa đi vào phòng ngủ mở được két sắt, phát hiện bên trong có 01 (một) túi da màu đen, bị cáo kiểm tra bên trong túi da phát hiện các tài sản gồm: 01 (một) lắc đeo tay trọng lượng 10 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền trọng lượng 10 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền trọng lượng 01 chỉ; 02 (hai) chiếc nhẫn trơn tròn, trọng lượng 05 chỉ/chiếc. Tổng cộng 36 chỉ, tất cả đều là vàng 24kara. Sau đó, bị cáo lấy toàn bộ số vàng cất giấu trong người rồi đem về nhà mẹ ruột bị cáo là bà Thạch Thị N, cất giấu dưới gối nằm của bị cáo trong phòng ngủ.

Đến khoảng 16 giờ ngày 25/6/2024, bị cáo mang 02 (hai) chiếc nhẫn trơn tròn bằng vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ/chiếc đến tiệm V1 tại Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh gặp Nguyễn Thị Cẩm T1 bán với giá 71.000.000 đồng, bị cáo nhờ bà Cẩm T1 chuyển khoản trả nợ cho ông Thạch Si Na R, số tiền là 10.000.000 đồng do bị cáo đã mượn trước đó. Sau đó, bị cáo Q trả cho Huỳnh Văn Đ, số tiền 45.000.000 đồng và tặng ông Đ số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 29/6/2024, bị cáo đưa cho ông Thạch Sĩ Na R, số tiền 6.000.000 đồng để nhờ trả nợ cho Thạch L. Số tiền còn lại 8.000.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 05/7/2024, bị cáo tiếp tục mang 01 (một) lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ và 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ, 01 (một) mặt dây chuyền bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ đến tiệm V1 để bán; bị cáo gặp bà Nguyễn Thị Cẩm T1 bán 01 (một) lắc đeo tay và 01 (một) sợi dây chuyền được số tiền 134.000.000 đồng, bị cáo mang tiền bán vàng và mặt dây chuyền bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ về nhà bà N. Trên đường về, bị cáo làm rơi mất mặt dây chuyền vàng (không xác định được địa điểm nên không tìm lại được).

Ngày 06/7/2024, bị cáo mang số tiền 134.000.000 đồng và cùng với vợ bị cáo là Thạch Thị Khone T đến tiệm V1, bị cáo mua 14 (mười bốn) chiếc vòng ximen bằng vàng 18kara với giá 43.529.000 đồng tặng cho Khone T; mua 07 (bảy) chiếc vòng ximen bằng vàng 18kara với giá 18.089.000 đồng tặng cho con gái là Thạch Thị Quy S1, sinh năm 2019, còn lại 72.382.000 đồng bị cáo cất giữ tiêu xài cá nhân.

Ngày 08/7/2024, bị cáo đến ấp C, xã P, huyện T trả cho ông Thạch R1, số tiền 3.000.000 đồng, trả cho Thạch Sĩ N2 7.000.000 đồng, còn lại số tiền 62.382.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 19/7/2024, bà Thạch Thị N1 phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 32/BKL-HĐĐG ngày 23/7/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C ra xác định tài sản thiệt hại gồm:

- 02 (hai) chiếc nhẫn trơn, vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ/chiếc, giá trị 70.600.000 đồng.

- 01 (một) sợi dây chuyền kiểu mắt xích, vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ, giá trị 70.600.000 đồng.

- 01 (một) mặt dây chuyền hình chiếc lá, vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, giá trị 7.060.000 đồng.

- 01 (một) lắc tay kiểu mắt xích, vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ, giá trị 70.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản yêu cầu định giá là 218.860.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 6049/KL-KTHS, ngày 16/10/2024 của P - Bộ C2 tại Thành phố Hồ Chí Minh ra xác định:

- 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam (ký hiệu M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 60,49%.

- 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam (ký hiệu M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 68,23%.

Đối với bà Thạch Thị Khone T, ông Huỳnh Văn Đ, ông Thạch L, ông Thạch

Si Na R, bà Thạch Si N2, ông Thạch R1 và bà Nguyễn Thị Cẩm T1 không biết bị cáo Thạch Q thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh:
Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như sau: Bị cáo tự thú về hành vi vi phạm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tình tiết tăng nặng: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 173; điểm các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Thạch Q từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày 19 tháng 7 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận số tiền 30.000.000 đồng do bà Thạch Thị N và Thạch C là cha, mẹ của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo. Đồng thời, bị hại yêu cầu bị cáo trả lại giá trị của 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam và 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam. Đối số tiền mà bị cáo bán vàng để trả nợ cho bà Thạch Si N2; ông Huỳnh Văn Đ; ông Thạch L; ông Thạch R1, ông Thạch Si Na R cùng với số tiền bị cáo tiêu xài cá nhân thì bị hại không yêu cầu bị cáo trả lại. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam (ký hiệu M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 60,49% và 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam (ký hiệu M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 68,23%. Cần giao cơ quan thi hành án dân sự huyện C quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) đoạn video thời gian bắt đầu từ 13 giờ 38 phút 04 giây, thời gian kết thúc 13 giờ 48 phút 00 giây và 01 (một) đoạn Video thời gian bắt đầu 13 giờ 38 phút 09 giây, thời gian kết thúc 13 giờ 47 phút 29 giây ghi lại diễn biến vụ việc tại khu vực mua, bán vàng vào ngày 05/7/2024 do ông Trần Quốc K là chủ tiệm vàng Công Thành Huệ 2 giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C sao lưu dữ liệu nêu trên vào đĩa DVD.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Thạch Q không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để có thời gian ra ngoài làm kiếm tiền bồi thường cho bị hại và chăm lo cho cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét hành vi của bị cáo Thạch Q: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 24/6/2024 tại nhà ông Thạch C1 và bà Thị Thị N1 thuộc Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Thạch Q có hành vi lấy trộm 02 (hai) chiếc nhẫn trơn, vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ/chiếc; 01 (một) sợi dây chuyền kiểu mắt xích, vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền hình chiếc lá, vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 (một) lắc tay kiểu mắt xích, vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ; với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 218.860.000 đồng.

[3] Từ đó, đủ cơ sở xác định tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt ông Thạch C1 và bà Thạch Thị N1 tổng số là 218.860.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Cáo trạng số 59/CT-VKS-HS ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi của bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và khung hình phạt.

[4] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Xét thấy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng; hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[5] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, kiếm tiền mà không cần lao động mà có nên bị cáo cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác.

[6] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Hội đồng xét xử cần phải có một hình phạt

tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; căn cứ vào Điều 38 Bộ luật hình sự cần xử phạt bị cáo Thạch Q bằng hình phạt tù đối với bị cáo để răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo tự thú về hành vi vi phạm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, Tòa án áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Q để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Thạch C1 và bà Thạch Thị N1 đã nhận số tiền 30.000.000 đồng do bà Thạch Thị N và Thạch C là cha, mẹ của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo. Đồng thời, yêu cầu trả lại giá trị của 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam (ký hiệu M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 60,49% và 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam (ký hiệu M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 68,23% nên được chấp nhận. Đối số tiền mà bị cáo bán vàng để trả nợ cho bà Thạch Si N2 số tiền 7.000.000 đồng; ông Huỳnh Văn Đ số tiền 47.000.000; ông Thạch L số tiền 6.000.000 đồng; ông Thạch R1 số tiền 3.000.000 đồng; ông Thạch Si Na R số tiền 10.000.000 đồng; số tiền bị cáo tiêu xài cá nhân và 01 (một) mặt dây chuyền hình chiếc lá, vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ thì bị hại không yêu cầu bị cáo trả lại. Ngoài ra, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng:

Đối với 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam (ký hiệu M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 60,49% và 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam (ký hiệu M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 68,23%. Giao cơ quan thi hành án dân sự huyện C quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) đoạn video thời gian bắt đầu từ 13 giờ 38 phút 04 giây, thời gian kết thúc 13 giờ 48 phút 00 giây và 01 (một) đoạn Video thời gian bắt đầu 13 giờ 38 phút 09 giây, thời gian kết thúc 13 giờ 47 phút 29 giây

ghi lại diễn biến vụ việc tại khu vực mua, bán vàng vào ngày 05/7/2024 do ông Trần Quốc K là chủ tiệm vàng Công Thành Huệ 2 giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C sao lưu dữ liệu nêu trên vào đĩa DVD.

[12] Về án phí: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận bị cáo Thạch Q phạm T2 “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Thạch Q phạm T2 “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Thạch Q 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hạn phạt tù tính từ 19 tháng 7 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015;.

Bị hại ông Thạch C1 và bà Thạch Thị N1 đã nhận số tiền 30.000.000 đồng do bà Thạch Thị N và Thạch C là cha, mẹ của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo. Đồng thời, ông Thạch C1 và bà Thạch Thị N1 yêu cầu trả lại giá trị của 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam (ký hiệu M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 60,49% và 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam (ký hiệu M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 68,23% nên được chấp nhận. Đối số tiền mà bị cáo bán vàng để trả nợ cho bà Thạch Si N2 7.000.000 đồng; ông Huỳnh Văn Đ số tiền 47.000.000; ông Thạch L số tiền 6.000.000 đồng; ông Thạch R1 số tiền 3.000.000 đồng; ông Thạch Si Na R số tiền 10.000.000 đồng và số tiền bị cáo tiêu xài cá nhân và 01 (một) mặt dây chuyền hình chiếc lá, vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ thì bị hại không yêu cầu bị cáo trả lại. Ngoài ra, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Đối với 07 (bảy) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 12,8175 gam (ký hiệu M1) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu

là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 60,49% và 14 (mười bốn) vòng ximen bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 30,7925 gam (ký hiệu M2) được niêm phong, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (A), hàm lượng Vàng trung bình: 68,23%. Giao cơ quan thi hành án dân sự huyện C quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị hại.

Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) đoạn video thời gian bắt đầu từ 13 giờ 38 phút 04 giây, thời gian kết thúc 13 giờ 48 phút 00 giây và 01 (một) đoạn Video thời gian bắt đầu 13 giờ 38 phút 09 giây, thời gian kết thúc 13 giờ 47 phút 29 giây ghi lại diễn biến vụ việc tại khu vực mua, bán vàng vào ngày 05/7/2024 do ông Trần Quốc K là chủ tiệm vàng Công Thành Huệ 2 giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C sao lưu dữ liệu nêu trên vào đĩa DVD.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng phí án hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai